

Bản án số: **19/2021/HSPT**

Ngày: 09/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Thanh

Ông Tôn Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 159/2020/TLPT-HS ngày 09 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Mai Thị Kiều N và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2020/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Mai Thị Kiều N; sinh ngày: 02/9/1989, tại Thừa Thiên Huế; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn M, xã H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Buôn bán; quốc tịch Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 9/12; con ông Mai Văn T và bà Cao Thị M; chồng: Không rõ; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/5/2018, bị Công an thị xã Hương Thủy xử phạt hành chính với số tiền 1.500.000 đồng vì có hành vi đánh bạc trái phép; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2020, đến ngày 22/02/2020 chuyển tạm giam. Ngày 27/02/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Ngọc T; tên gọi khác: Gôn; sinh ngày: 13/3/1993; tại Thừa Thiên Huế; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn V và bà Bùi Thị Ng (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2010, có hành vi cố ý gây thương tích bị Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Bùi Ngọc L; sinh ngày: 08/11/2000; tại Thừa Thiên Huế; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 9/12; con ông Bùi Ngọc S và bà Văn Thị Thùy V; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2020, đến ngày 22/02/2020 chuyển tạm giam. Ngày 27/02/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay, có mặt.

4. Nguyễn Công D; sinh ngày: 01/5/1997; tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Sửa xe; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn Công M và bà: Nguyễn Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2020, đến ngày 22/02/2020 chuyển tạm giam. Ngày 27/02/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay, có mặt.

5. Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày: 19/5/1999; tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Nguyễn Quốc Đ và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. Mai Thị L; sinh ngày: 11/11/1973; tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 6/12; con ông Mai Đức L (đã chết) và bà Nguyễn Thị X; chồng: Không rõ; con: Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/12/2019, đến ngày 22/02/2020 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

7. Lê Đăng V (tên gọi khác: Sạn); sinh ngày: 10/5/1986, tại tỉnh Thừa Thiên Huế, nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Tr, xã Hương Thọ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Lê Đăng Đ và bà Trần Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8. Mai Văn H; sinh ngày: 30/6/1969, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp:

Làm thuê, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; trình độ văn hóa: 5/12; con ông Mai Văn Nh và bà Trương Thị Thanh T; có vợ là: Trần Thị Th; con: Có 05 người con: lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

9. Bùi Ngọc Tr (tên gọi khác: Sô); sinh ngày: 01/02/1995; tại tỉnh Thừa Thiên Huế, nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm thuê, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; trình độ văn hóa: 6/12; con ông Bùi Ngọc N và bà Mai Thị T; có vợ là: Trần Thị H; con: Có 01 người con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2017, có hành vi trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà xử phạt 04 tháng 03 ngày tù giam (bị cáo được trả tự do tại phiên toà ngày 12/12/2017).

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

10. Nguyễn Thị Kh; sinh ngày: 06/9/1969, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, nghề nghiệp: Buôn bán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 2/12; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Phạm Thị Ch; có chồng là: Phan Đình M; con: Có 05 người con: lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

11. Trần Thị Th; sinh ngày: 14/4/1971, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 3/12; con ông Trần Văn I; (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ng; chồng: Mai Văn H; con: Có 05 người con: lớn nhất sinh năm: 1992, nhỏ nhất sinh năm: 2001; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 14/3/2016, bị Công an xã Hương Thọ, thị xã Hương Trà xử phạt hành chính với số tiền 1.000.000 đồng vì có hành vi đánh bạc trái phép;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

12. Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1970, tại tỉnh Thừa Thiên Huế, nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm thuê, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 2/12; con ông Nguyễn K (đã chết) và bà Lê Thị K; có chồng: Nguyễn Công M; con: có 03 người con: lớn nhất sinh năm: 1997, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

13. Mai Quốc H (tên gọi khác: Liệu); sinh ngày 24/6/1977, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính:

Nam; tôn giáo: Phật giáo; trình độ văn hóa: 3/12; con ông Mai Văn T và bà Cao Thị M; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

14. Nguyễn Văn T sinh ngày: 03/6/1983, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, nghề nghiệp: Làm nông, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 4/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị K; có vợ là: Trần Thị Kim O; con: Có 05 người con: Lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không .

Nhân thân: Ngày 20/9/2010 bị Công an xã H, huyện Hương Trà (nay là thị xã Hương Trà) xử phạt hành chính 200.000 đồng về hành vi đánh bạc. Năm 2011 phạm tội Cố ý gây thương tích bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 02 năm tù giam.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

15. Mai Văn Th; (tên gọi khác: Toàn Em); sinh năm: 1970; tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không, trình độ văn hóa: 4/12; con ông: Mai Văn T và bà Trần Thị S; có vợ là: Nguyễn Thị Q; con: Có 04 người con: Lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

16. Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1975, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn M, xã H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 2/12; con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị C; có chồng là: Mai Văn T; con: Có 04 người con: Lớn nhất sinh năm: 1996, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Ngoài ra còn có 11 Bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định tổ chức đánh bạc cho các con bạc tham gia đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh xóc đĩa và sam cô để thu tiền xấu, thu lợi bất chính nên vào ngày 10 tháng 2 năm 2020, Mai Thị Kiều N, Nguyễn Ngọc T bỏ ra số tiền 1.230.000 đồng để thuê Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D mua bạt, đèn pin, dây cước, bình điện, bóng đèn lên dựng bạt tại khu vực Năm Bàu thuộc thôn M, xã H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, còn Mai Thị Kiều N chuẩn bị các công cụ chiếu, chén đĩa, bài tú lơ khơ, kéo để tổ chức cho các con bạc lên tham gia đánh bạc mục đích thu tiền xấu. Mai Thị Kiều N và Nguyễn Ngọc T trực tiếp đứng ra tổ chức đánh bạc và thu xấu; Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh làm nhiệm

vụ cảnh giới cho Mai Thị Kiều N và Nguyễn Ngọc T và được Nguyễn Ngọc T và Mai Thị Kiều N trả tiền công mỗi lần từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Vào ngày 12/02/2020, Mai Thị Kiều N là người trực tiếp điện thoại rủ Mai Văn B, Nguyễn Văn Q đến tham gia đánh bạc, phân công Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh cảnh giới, Nguyễn Quốc Kh và Nguyễn Ngọc T thu xâu.

Vào chiều ngày 12 tháng 02 năm 2020, Mai Thị Kiều N, Mai Thị L, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q đến uống nước tại quán của Mai Thị Kiều N ở thôn M, xã H. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Mai Thị Kiều N cùng Mai Thị L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh đi đến khu vực Năm Bàu để tổ chức và tham gia đánh bạc. Khi đến, Mai Thị Kiều N vào lán lấy chén đĩa, dùng kéo cắt vị rồi để giữa 01 chiếc chiếu và lấy 01 ca nhựa để đựng tiền xâu. Sau khi Mai Thị Kiều N chuẩn bị các công cụ trên, Nguyễn Công D là người ngồi làm cái xóc đĩa, Mai Thị Kiều N lấy 04 quân bài tứ lơ khơ làm cái sam cô cho các con bạc đánh bạc.

Cách thức đánh bạc quy ước như sau:

+ Đánh xóc đĩa: Chiếu bạc được chia thành hai mặt, bên tay trái của người cầm cái là lẻ, bên tay phải là chẵn. Người làm cái dùng 01 bộ chén, đĩa bên trong có 04 hột vị được cắt ra từ lá bài tứ lơ khơ và tiến hành xóc đĩa. Nếu ra 02 xấp (đen), 02 ngửa (trắng) thì gọi là chẵn, ai đánh chẵn thì thắng; nếu ra 04 xấp (đen) hoặc 04 ngửa (trắng) thì gọi là chẵn, ai đánh chẵn thì thắng; nếu ra 03 xấp (đen), 01 ngửa (trắng) hoặc 03 ngửa (trắng), 01 xấp (trắng) thì gọi là lẻ, ai đánh lẻ thì thắng, tỷ lệ ăn thua 01 ăn 01.

+ Đánh sam cô: Người làm cái sam có sử dụng 04 con bài tứ lơ khơ gồm 01 quân 3 đen, 01 quân 3 đỏ, 01 quân 4 đen, 1 quân 4 đỏ. Khi người làm cái xóc đĩa xong thì các con bạc đặt cược vào các lá bài mà mình đánh, nếu người làm cái xóc - 03 mặt đỏ hoặc 03 mặt đen thì người đặt cược ở quân bài 3 đỏ và 3 đen sẽ thắng cược với tỷ lệ 01 ăn 3,5 lần. Người làm cái xóc 04 mặt đỏ hoặc 04 mặt đen thì người đặt cược ở quân 4 đỏ hoặc 4 đen sẽ thắng với tỷ lệ ăn thua là 01 ăn 10 lần.

Về cách thức thu xâu: Quá trình đánh bạc, Mai Thị Kiều N lấy 01 ca nhựa đưa cho Trần Quốc Kh để thu tiền xâu. Nếu 04 hột vị nổi lên 04 trắng hoặc 04 đen, người chơi nào thắng thì bỏ xâu 10% số tiền đánh thắng vào ca nhựa. Số tiền này sau khi trả tiền công cho Nguyễn Quốc Kh, Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D và các chi phí khác thì Mai Thị Kiều N và Nguyễn Ngọc T sẽ chia đôi số tiền còn lại.

Sau khi thống nhất cách thức đánh bạc, khoảng 15 giờ 05 phút cùng ngày Nguyễn Công D làm cái xóc đĩa, Mai Thị Kiều N làm cái sam cô cho các con bạc Mai Thị L, Mai Quốc H, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q tham gia đánh bạc. Quá trình Nguyễn Công D và Mai Thị Kiều N làm cái thì các con bạc Nguyễn Quốc Kh, Mai Thị Thu H, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Kh, Nguyễn Thị T2 (vợ Mai Văn Th), Trần C, Mai Văn H, Trần Thị Th lần lượt đến và tham gia đánh bạc. Lúc này, Bùi Ngọc L đang đứng cảnh giới ở khu vực Còn mò đi vào sòng bạc để uống nước và tham gia đánh bạc cùng Mai Thị Kiều N và đồng bọn (khi Mai Thị Kiều N đến sòng bạc thì dùng điện thoại gọi Bùi Ngọc L

đến khu vực còn mỏ để cảnh giới, Bùi Ngọc L vào tham gia đánh bạc một lúc thì ra ngoài tiếp tục cảnh giới), Nguyễn Quốc Kh là người thu xâu cho Mai Thị Kiều N.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Văn H đến sòng bạc và tham gia đánh bạc cùng Mai Thị Kiều N và đồng bọn, đồng thời Nguyễn Ngọc T thu xâu thay cho Nguyễn Quốc Kh. Đến khoảng 16 giờ 45 phút cùng ngày, lần lượt Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Đ ra về, sau đó Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Kh, Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị T2 (Vợ Mai Văn Th), Mai Văn H, Trần Thị Th, Nguyễn Văn H, Mai Thị Thu H lần lượt ra về, Nguyễn Công D, Mai Thị Kiều N tiếp tục làm cái cho các con bạc tham gia đánh bạc. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Bùi Ngọc Tr, Lê Đăng V, Mai Văn Th cùng đến và trực tiếp tham gia đánh bạc. Bùi Ngọc Tr, Lê Đăng V, Mai Văn Th đánh một lúc đến khoảng 17 giờ 15 phút thì thua hết tiền nên ra về. Lúc này những người tham gia đánh bạc có Nguyễn Công D, Mai Thị Kiều N, Trần C, Mai Thị L, Nguyễn Quốc Kh, Nguyễn Ngọc T, (Mai Quốc H thua hết tiền nên ra ngoài ngồi xem). Khoảng 19 giờ, Nguyễn Quốc Kh vào làm cái thay Nguyễn Công D một lúc (khoảng 5-7 ván), sau đó Nguyễn Công D tiếp tục vào xóc cái.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Bùi Ngọc L từ vị trí cảnh giới vào thay Nguyễn Công D làm cái xóc đĩa còn Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh thua hết tiền nên ra đứng cảnh giới, Nguyễn Văn Q thua hết tiền nên ra về. Khi Bùi Ngọc L làm cái lần lượt có thêm Mai Văn B, Bùi Ngọc C, Trần Công L, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Th cùng đến và trực tiếp tham gia đánh bạc. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, khi Bùi Ngọc L và Mai Thị Kiều N đang làm cái cho các con bạc đánh bạc thì bị Công an thị xã Hương Trà bắt quả tang, Mai Quốc H, Trần Công L, Nguyễn Văn D, Nguyễn Quốc T, Trần C bỏ chạy khỏi hiện trường.

Vật chứng vụ án:

- Các vật chứng hiện còn tạm giữ:

+ Tiền giữa sòng: 7.140.000 đồng. Tiền xâu: 700.000 đồng.

+ Số tiền thu giữ trong người của các con bạc có đủ căn cứ xác định các bị can đã hoặc sẽ dùng số tiền này vào việc đánh bạc, cụ thể: Mai Thị Kiều N 1.840.000 đồng; Mai Thị L 50.000 đồng (Thu giữ 3.750.000, trong đó L chỉ sử dụng 50.000 đồng vào mục đích đánh bạc); Bùi Ngọc L 20.000 đồng; Bùi Ngọc C: 3.040.000 đồng; Nguyễn Văn Th 480.000 đồng; Mai Văn B 50.000 đồng. Tổng cộng: 5.480.000 đồng.

+ Số tiền các con bạc tự nguyện giao nộp, có đủ căn cứ xác định các bị can đã hoặc sẽ dùng số tiền này vào việc đánh bạc: Nguyễn Văn D 700.000 đồng; Trần C: 650.000 đồng; Nguyễn Thị Kh 280.000 đồng; Mai Thị Thu H: 200.000 đồng; Mai Văn Th 100.000 đồng; Nguyễn Thị Tr: 38.000 đồng; Trần Thị Th: 50.000; Trần Công L: 150.000 đồng. Tổng cộng: 2.168.000 đồng.

Tổng số tiền thu giữ có đủ căn cứ xác định các bị can đã hoặc sẽ dùng số tiền này vào việc đánh bạc: 15.488.000 đồng.

+ 01 (một) chiếc chiếu, 04 (bốn) quân vị được cắt ra từ lá bài tứ lơ khơ, 01 (một) chén sứ, màu trắng, 01 (một) đĩa sứ, màu trắng, 01 (một) tấm bạt, 01 (một) bình ắc quy, 01 (một) bóng đèn và dây điện.

+ Thu của Mai Thị Kiều N 01 (một) điện thoại di động Nokia màu xanh.

+ Thu của Mai Thị L 01 (một) điện thoại di động Oppo màu đen.

+ Thu của Bùi Ngọc L 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng

+ Thu của Bùi Ngọc C 01 (một) điện thoại di động Wiko màu xanh.

+ Thu của Mai Văn B 01 (một) điện thoại di động hiệu Lenovo màu xám.

+ Thu của Nguyễn Văn Th 01 (một) điện thoại di động Masstel màu trắng xanh.

+Thu của Mai Đức Ph 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam sung màu xanh dương.

+Thu của Nguyễn Công D: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, có ốp màu đỏ.

- Các vật chứng hiện đã trả lại cho chủ sở hữu:

+ 01 xe mô tô BKS: 75D1-103.85; 01 (một) điện thoại di động Xiaomi màu đen | thu Nguyễn Quốc Ch.

+ 01 xe mô tô BKS: 75E1-043.03 thu của Mai Thị Kiều N.

+01 xe mô tô BKS: 75K3-2350 thu của Nguyễn Văn D.

+ 01 xe mô tô BKS: 75F1-798.48 thu Trần Công L.

- Đối với 01 cái kéo mà Mai Thị Kiều N sử dụng để cắt các quân vị, và 01 ca nhựa dùng để đựng tiền xấu, quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an thị xã Hương Trà tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 38/2020/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật hình sự; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 cho bị cáo Nguyễn Quốc Kh, Nguyễn Ngọc T, Bùi Ngọc L.

Tuyên bố các bị cáo Mai Thị Kiều N, Nguyễn Ngọc T, Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh phạm tội Đánh bạc, xử phạt:

+ Bị cáo Mai Thị Kiều N 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20 triệu đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Ngọc T 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20 triệu đồng.

+ Bị cáo Bùi Ngọc L 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20 triệu đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Công D 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20 triệu đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Quốc Kh 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20 triệu đồng.

- Căn cứ điểm a, d khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17 của Bộ luật hình sự; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 cho bị cáo Nguyễn Quốc Kh, Nguyễn Ngọc T, Bùi Ngọc L. Tuyên bố bị cáo Mai Thị Kiều N, Nguyễn Ngọc T, Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, xử phạt:

+ Bị cáo Mai Thị Kiều N 08 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 30 triệu đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Ngọc T 08 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 30 triệu đồng.

+ Bị cáo Bùi Ngọc L 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20 triệu đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Công D 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20 triệu đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Quốc Kh 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20 triệu đồng.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai tội cho các bị cáo Mai Thị Kiều N, Nguyễn Ngọc T, Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh, xử phạt:

+ Bị cáo Mai Thị Kiều N 14 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/02/2020 đến ngày 27/02/2020. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 50 triệu đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Ngọc T 14 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 50 triệu đồng.

+ Bị cáo Bùi Ngọc L 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/02/2020 đến ngày 27/02/2020. Phạt bổ sung số tiền 40 triệu đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Công D 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/02/2020 đến ngày 27/02/2020. Phạt bổ sung số tiền 40 triệu đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Quốc Kh 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung số tiền 40 triệu đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Điều 17 BLHS; áp dụng thêm khoản 2 Điều 52 cho các bị cáo Mai Thị L, Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1975), áp dụng thêm khoản 3 Điều 321 cho bị cáo Bùi Ngọc Tr, Nguyễn Văn T; không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 cho bị cáo Bùi Ngọc Tr, Nguyễn Văn T; không áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Mai Thị L. Tuyên bố các bị cáo Mai Thị L, Lê Đăng V, Mai Quốc H, Bùi Ngọc Tr, Nguyễn Thị Kh, Trần Thị Th, Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1970), Mai Văn H, Nguyễn Văn T, Mai Văn Th, Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1975), phạm tội Đánh bạc, xử phạt:

+ Bị cáo Bùi Ngọc Tr 04 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung số tiền 10 triệu đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Văn T 04 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung số tiền 10 triệu đồng.

+ Bị cáo Trần Thị Th số tiền 40 triệu đồng là hình phạt chính.

+ Bị cáo Mai Thị L số tiền 35 triệu đồng là hình phạt chính.

+ Bị cáo Lê Đăng V số tiền 20 triệu đồng là hình phạt chính.

+ Bị cáo Mai Quốc H số tiền 20 triệu đồng là hình phạt chính.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Kh số tiền 20 triệu đồng là hình phạt chính.

+ Bị cáo Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1970) số tiền 20 triệu đồng là hình phạt chính.

+ Bị cáo Mai Văn H số tiền 20 triệu đồng là hình phạt chính.

+ Bị cáo Mai Văn Th số tiền 20 triệu đồng là hình phạt chính.

+ Bị cáo Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1975), số tiền 20 triệu đồng là hình phạt chính.

Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật các bị cáo phải nộp đủ tiền phạt nêu trên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với 11 bị cáo khác, tuyên về về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/10/2020 bị cáo Mai Thị Kiều N có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và miễn hình phạt tiền.

Ngày 02/10/2020 bị cáo Nguyễn Ngọc T có đơn kháng cáo xin được giảm hình phạt.

Ngày 13/10/2020 bị cáo Bùi Ngọc L có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và giảm hình phạt tiền.

Ngày 13/10/2020 bị cáo Nguyễn Công D có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và giảm hình phạt tiền.

Ngày 13/10/2020 bị cáo Nguyễn Quốc Kh có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và giảm hình phạt tiền.

Ngày 14/10/2020 bị cáo Mai Thị L có đơn kháng cáo xin được giảm hình phạt tiền.

Ngày 14/10/2020 bị cáo Lê Đăng V có đơn kháng cáo xin được giảm hình phạt tiền.

Ngày 14/10/2020 bị cáo Mai Quốc H có đơn kháng cáo xin được miễn hình phạt tiền.

Ngày 02/10/2020 bị cáo Bùi Ngọc Tr có đơn kháng cáo xin được giảm hình phạt tiền và hình phạt tù.

Ngày 15/10/2020 bị cáo Nguyễn Thị Kh có đơn kháng cáo xin được giảm hình phạt tiền.

Ngày 14/10/2020 bị cáo Trần Thị Th có đơn kháng cáo xin miễn trách nhiệm hình sự.

Ngày 13/10/2020 bị cáo Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1970) có đơn kháng cáo xin được giảm hình phạt tiền.

Ngày 14/10/2020 bị cáo Mai Văn H có đơn kháng cáo xin được giảm hình phạt tiền.

Ngày 05/10/2020 bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin được giảm hình phạt tiền và xin hưởng án treo.

Ngày 06/10/2020 bị cáo Mai Văn Th có đơn kháng cáo xin được giảm hình phạt tiền.

Ngày 06/10/2020 bị cáo Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1975) có đơn kháng cáo xin được giảm hình phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên đơn kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong hạn luật định và hợp pháp; Đề nghị Hội đồng xét xử :

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm đối với các bị cáo Mai Thị Kiều N, Nguyễn Ngọc T, Bùi Ngọc L, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Quốc Kh, Bùi Ngọc Tr và Nguyễn Văn T.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị áp dụng thêm điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mai Thị Kiều N; khoản 2 Điều Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và Điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đối với các bị cáo Mai Thị L, Trần Thị Th, Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1975), Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1970), Lê Đăng V, Nguyễn Thị Kh, Mai Văn H, Mai Quốc H, Mai Văn Th đề nghị :

- Giảm cho bị cáo Mai Thị L và bị cáo Trần Thị Th từ 5 đến 10 triệu đồng.

- Giảm cho Mai Quốc H từ 10 đến 15 triệu đồng.

- Giảm cho các bị cáo Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1975), Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1970), Lê Đăng V, Nguyễn Thị Kh, Mai Văn H, Mai Văn Th mỗi bị cáo từ 2 đến 5 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo có kháng cáo đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Trong khoảng thời gian từ 15 giờ 15 phút đến 22 giờ ngày 12 tháng 02 năm 2020, tại khu vực Năm Bàu, thuộc thôn M, xã H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, Mai Thị Kiều N, Nguyễn Ngọc T, Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh là những người chuẩn bị địa điểm, công cụ, phương tiện, phân công người cảnh giới cho các con bạc Mai Thị L, Mai Văn B, Bùi Ngọc C, Nguyễn Văn Th, Trần Công L, Nguyễn Văn Q, Lê Đăng V, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Tr, Mai Thị Thu H, Mai Quốc H, Bùi Ngọc Tr, Nguyễn Thị Kh, Trần Thị Th, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn D, Mai Văn H, Trần C, Nguyễn Văn T, Mai Văn Th, Nguyễn Thị T2, Trần Thị Đ tham gia đánh bạc, đồng thời Mai Thị Kiều N, Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Quốc Kh là những người trực tiếp tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa, sam cô với các con bạc thì bị Công an thị xã Hương Trà phát hiện bắt giữ. Tổng số tiền mà các con bạc sử dụng vào việc đánh bạc là: 15.488.000 đồng.

Mai Thị Kiều N, Nguyễn Ngọc T, Bùi Ngọc L, Mai Thị L tham gia đánh bạc cùng tất cả các bị cáo nên chịu trách nhiệm với tang số đánh bạc là: 15.488.000 đồng.

Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh, tham gia đánh bạc đến khoảng 20 giờ 30 phút thì Kh, D ra đứng cảnh giới. Do đó, các bị cáo Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh phải chịu trách nhiệm với tang số đánh bạc là: 10.320.000 đồng.

Bùi Ngọc Tr, Lê Đăng V, Mai Văn Th đến sòng bạc khoảng 17 giờ 35 phút và trực tiếp tham gia đánh bạc cùng đến khoảng 17 giờ 15 phút thì thua hết tiền nên ra về. Do đó, các bị cáo Bùi Ngọc Tr, Lê Đăng V, Mai Văn Th chịu trách nhiệm với tang số đánh bạc là: 9.120.000 đồng.

Nguyễn Văn T, Mai Quốc H, Nguyễn Thị Kh, Trần Thị Th, Nguyễn Thị T1, Mai Văn H, Nguyễn Thị T2 (1975) là những người lần lượt nghỉ trước thời điểm bị bắt, tham gia đánh từ khoảng 15 giờ 05 phút đến 17 giờ 30 phút, nên chịu trách nhiệm với tang số đánh bạc là: 7.838.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án các bị cáo Mai Thị Kiều N, Nguyễn Ngọc T, Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự và tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Mai Thị L, Lê Đăng V, Mai Quốc H, Bùi Ngọc Tr, Nguyễn Thị Kh, Trần Thị Th, Nguyễn Thị T1, Mai Văn H, Nguyễn Văn T, Mai Văn Th, Nguyễn Thị T2, phạm vào tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Trong vụ án này Mai Thị Kiều N, Nguyễn Ngọc T, Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh là người chuẩn bị địa điểm, công cụ, phương tiện, phân công người cảnh giới và chủ động gọi điện cho các con bạc đến tham gia đánh bạc, đồng thời là người trực tiếp làm cái xóc đĩa, sam cô, thu tiền xâu nên Mai Thị Kiều N, Nguyễn Ngọc T, Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh cùng đồng phạm là người tổ chức đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc. Trong đó N và Nguyễn Ngọc T chủ động bỏ tiền ra thuê Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh chuẩn bị các công cụ phương tiện và thu tiền xâu nên Mai Thị Kiều N, Nguyễn Ngọc T là người chịu trách nhiệm cao nhất trong vụ án.

Các bị cáo Mai Thị L, Lê Đăng V, Mai Quốc H, Bùi Ngọc Tr, Nguyễn Thị Kh, Trần Thị Th, Nguyễn Thị T1, Mai Văn H, Nguyễn Văn T, Mai Văn Th, Nguyễn Thị T2 là những người tham gia đánh bạc nên cũng đồng phạm về tội đánh bạc với vai trò là người thực hành có tính chất tương đương nhau.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương và còn là hệ lụy của các tệ nạn, tội phạm khác.

- Xét kháng cáo xin hưởng án treo và giảm nhẹ hình phạt tiền của các bị cáo Mai Thị Kiều N, Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh; kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Ngọc T thấy rằng: Các bị cáo Mai Thị Kiều N, Nguyễn Ngọc T, Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh là người chuẩn bị địa điểm, công cụ, phương tiện, phân công, chủ động gọi điện cho các con bạc đến tham gia đánh bạc, đã lựa chọn vị trí hẻo lánh, hiểm trở, xa dân cư, khó phát hiện đồng thời là người trực tiếp làm cái xóc đĩa, sam cô cho các con bạc tham gia đánh bạc. Vì vậy, các bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Vì vậy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục; trong đó bị cáo Mai Thị Kiều N, Nguyễn Ngọc T phải chịu mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Mai Thị Kiều N sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có xuất trình cho Tòa án 01 Sổ khám bệnh và 01 phiếu kết quả xét nghiệm kết luận bị cáo N hiện đang mang thai, tuổi thai tại thời điểm siêu âm, xét nghiệm vào tháng 12/2020 là 14 tuần tuổi. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, trên cơ sở xem xét toàn diện nội dung vụ án, xét tính chất và vai trò của từng bị cáo thấy rằng mức hình phạt mà cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với các bị cáo là hoàn toàn phù hợp, không nặng. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Thị Kiều N, Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh, Nguyễn Ngọc T.

Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Bùi Ngọc Tr thấy rằng: Cả hai bị cáo đều là người có nhân thân xấu, đã bị kết án nhưng các bị cáo không tu

dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại phạm tội. Bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T cung cấp thêm tài liệu ông nội là liệt sĩ nên cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên là không nặng. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, Bùi Ngọc Tr.

- Đối với các bị cáo Mai Thị L, Lê Đăng V, Mai Quốc H, Nguyễn Thị Kh, Trần Thị Th, Nguyễn Thị T1, Mai Văn H, Mai Văn Th, Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1975), Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như đặc điểm nhân thân của các bị cáo, tất cả các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo Mai Thị L được Giám đốc Công an tỉnh Thừa Thiên Huế tặng bằng khen vì đã có thành tích trong phòng trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2015, Bị cáo Mai Quốc H là người khuyết tật nặng. Cấp sơ thẩm có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật là: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1975), Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1970), Lê Đăng V, Nguyễn Thị Kh, Mai Văn H, Mai Quốc H, Mai Văn Th nhưng khi quyết định hình phạt lại tuyên phạt các bị cáo 20.000.000 đồng là mức khởi điểm của khung hình phạt là không đúng. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Mai Thị Kiều N, Nguyễn Ngọc T, Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh, Nguyễn Văn T, Bùi Ngọc Tr mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí phúc thẩm, các bị cáo khác không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Thị Kiều N, Nguyễn Ngọc T, Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh, Nguyễn Văn T, Bùi Ngọc Tr giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật hình sự; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 cho bị cáo Nguyễn Quốc Kh, Nguyễn Ngọc T, Bùi Ngọc L; điểm n khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Mai Thị Kiều N.

Tuyên bố các bị cáo Mai Thị Kiều N, Nguyễn Ngọc T, Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh phạm tội Đánh bạc, xử phạt:

- + Bị cáo Mai Thị Kiều N 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20 triệu đồng.
- + Bị cáo Nguyễn Ngọc T 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20 triệu đồng.
- + Bị cáo Bùi Ngọc L 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20 triệu đồng.
- + Bị cáo Nguyễn Công D 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20 triệu đồng.
- + Bị cáo Nguyễn Quốc Kh 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20 triệu đồng.

- Căn cứ điểm a, d khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17 của Bộ luật hình sự; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 cho bị cáo Nguyễn Quốc Kh, Nguyễn Ngọc T, Bùi Ngọc L. Tuyên bố bị cáo Mai Thị Kiều N, Nguyễn Ngọc T, Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, xử phạt:

- + Bị cáo Mai Thị Kiều N 08 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 30 triệu đồng.
- + Bị cáo Nguyễn Ngọc T 08 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 30 triệu đồng.
- + Bị cáo Bùi Ngọc L 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20 triệu đồng.
- + Bị cáo Nguyễn Công D 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20 triệu đồng.
- + Bị cáo Nguyễn Quốc Kh 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20 triệu đồng.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai tội cho các bị cáo Mai Thị Kiều N, Nguyễn Ngọc T, Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh, xử phạt:

- + Bị cáo Mai Thị Kiều N 14 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/02/2020 đến ngày 27/02/2020. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 50 triệu đồng.
- + Bị cáo Nguyễn Ngọc T 14 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 50 triệu đồng.
- + Bị cáo Bùi Ngọc L 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/02/2020 đến ngày 27/02/2020. Phạt bổ sung số tiền 40 triệu đồng.
- + Bị cáo Nguyễn Công D 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/02/2020 đến ngày 27/02/2020. Phạt bổ sung số tiền 40 triệu đồng.
- + Bị cáo Nguyễn Quốc Kh 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung số tiền 40 triệu đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Điều 17 BLHS; Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Bùi Ngọc Tr phạm tội Đánh bạc, xử phạt:

+ Bị cáo Bùi Ngọc Tr 04 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung số tiền 10 triệu đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Văn T 04 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung số tiền 10 triệu đồng.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho các bị cáo Mai Thị L, Lê Đăng V, Mai Quốc H, Nguyễn Thị Kh, Trần Thị Th, Nguyễn Thị T1, Mai Văn H, Mai Văn Th, Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1975).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Điều 17 BLHS; áp dụng thêm khoản 2 Điều 52 cho các bị cáo Mai Thị L, Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1975).

Tuyên bố các bị cáo Mai Thị L, Lê Đăng V, Mai Quốc H, Bùi Ngọc Tr, Nguyễn Thị Kh, Trần Thị Th, Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1970), Mai Văn H, Nguyễn Văn T, Mai Văn Th, Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1975), phạm tội Đánh bạc, xử phạt:

+ Bị cáo Trần Thị Th số tiền 30 triệu đồng là hình phạt chính.

+ Bị cáo Mai Thị L số tiền 25 triệu đồng là hình phạt chính.

+ Bị cáo Lê Đăng V số tiền 15 triệu đồng là hình phạt chính.

+ Bị cáo Mai Quốc H số tiền 15 triệu đồng là hình phạt chính.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Kh số tiền 15 triệu đồng là hình phạt chính.

+ Bị cáo Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1970) số tiền 15 triệu đồng là hình phạt chính.

+ Bị cáo Mai Văn H số tiền 15 triệu đồng là hình phạt chính.

+ Bị cáo Mai Văn Th số tiền 15 triệu đồng là hình phạt chính.

+ Bị cáo Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1975), số tiền 15 triệu đồng là hình phạt chính.

2. Về án phí : Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo Mai Thị Kiều N, Nguyễn Ngọc T, Bùi Ngọc L, Nguyễn Công D, Nguyễn Quốc Kh, Bùi Ngọc Tr, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo khác không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 TANDTC;
- VKSND tỉnh TT- Huế;
- Phòng PV27-CA tỉnh TT- Huế;
- TAND Thị xã Hương Trà;
- VKSND Thị xã Hương Trà;
- Cơ quan THA Hình sự
CA Thị xã Hương Trà;
- Chi cục THADS thị xã Hương Trà;
- Các Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hồng Vân